



**Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

81 Lê Đại, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Sông Vàng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Thủy điện Sông Vàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/6/2022 với mã số doanh nghiệp là 0400476650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 81 Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 23.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lê Thái Hưng	Chủ tịch	
Ông Hồ Ngọc Thạch	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2022
Ông Lưu Quang Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2022
Ông Ưng Văn Phúc	Thành viên	

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Ưng Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Huy Bình	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Kim Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2022
Bà Nguyễn Mai Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2022
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

81 Lê Đại, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, TP Đà Nẵng

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 30/06/2022 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Ứng Văn Phúc



Số: 662/BCKT/TC

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà-Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng, được lập ngày 12/08/2022, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ QUANG TIẾN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0448 - 2018 - 126 - 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		66.579.783.685	42.248.098.581
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	34.346.102.107	12.821.105.592
111	1. Tiền		11.346.102.107	12.821.105.592
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.000.000.000	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		0	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.233.681.578	29.426.992.989
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.02	6.080.581.247	9.567.459.240
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.03	14.418.383.495	8.645.158.495
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.04	8.328.876.712	
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	3.431.192.124	11.239.727.254
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(25.352.000)	(25.352.000)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		0	
140	IV. Hàng tồn kho		0	0
141	1. Hàng tồn kho		0	0
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		0	0
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		0	0
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		217.624.009.589	222.721.092.409
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		0	0
220	II. Tài sản cố định		209.858.744.374	215.534.009.012
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	209.858.744.374	215.534.009.012
222	- Nguyên giá		450.106.451.778	450.106.451.778
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(240.247.707.404)	(234.572.442.766)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
227	3. Tài sản cố định vô hình		0	0
230	III. Bất động sản đầu tư		0	0
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		7.765.265.215	7.187.083.397
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		0	0
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	7.765.265.215	7.187.083.397
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		0	0
260	VI. Tài sản dài hạn khác		0	0
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		284.203.793.274	264.969.190.990

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		133.356.134.291	137.790.453.059
310	I. Nợ ngắn hạn		65.136.568.291	137.790.453.059
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.09	20.857.732.451	22.222.011.748
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		0	0
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	1.857.964.427	2.665.363.789
314	4. Phải trả người lao động		653.918.919	791.053.294
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11	1.753.276.577	708.445.032
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.12	2.240.005.690	2.299.332.969
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	37.773.670.227	109.104.246.227
330	II. Nợ dài hạn		68.219.566.000	0
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	68.219.566.000	0
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		150.847.658.983	127.178.737.931
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.14	150.847.658.983	127.178.737.931
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		148.206.625.000	148.206.625.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		148.206.625.000	148.206.625.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		0	0
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		0	0
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		0	0
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.641.033.983	(21.027.887.069)
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước		(21.027.887.069)	(46.924.771.507)
421b	- LNST chưa phân phối năm này		23.668.921.052	25.896.884.438
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		284.203.793.274	264.969.190.990

Người lập biểu
Hà Huy Bình
Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Kế toán trưởng
Hà Huy Bình



Tổng Giám đốc
Ứng Văn Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ Trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	38.486.781.204	23.539.796.928
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		0	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		38.486.781.204	23.539.796.928
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	8.361.184.402	7.599.191.128
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		30.125.596.802	15.940.605.800
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	450.014.013	19.369.607
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	4.466.977.883	5.016.008.562
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		4.466.977.883	5.016.008.562
25	8. Chi phí bán hàng		0	0
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	1.188.931.539	1.108.992.162
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.919.701.393	9.834.974.683
31	11. Thu nhập khác		0	0
32	12. Chi phí khác	VI.06	5.047.654	60.920.390
40	13. Lợi nhuận khác		(5.047.654)	(60.920.390)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.914.653.739	9.774.054.293
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.07	1.245.732.687	488.702.715
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.668.921.052	9.285.351.578
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.08	1.597	627
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.08	1.597	627

Người lập biểu

Hà Huy Bình

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Kê toán trưởng

Hà Huy Bình

Tổng Giám đốc

Ứng Văn Phúc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Theo phương pháp gián tiếp

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Kỳ này (3)	Kỳ trước (4)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	24.914.653.739	9.774.054.293
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	5.675.264.638	5.675.264.638
- Các khoản dự phòng	3	0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(450.014.013)	(19.369.607)
- Chi phí lãi vay	6	4.466.977.883	5.016.008.562
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	34.606.882.247	20.445.957.386
- Tăng giảm các khoản phải thu	9	11.544.803.376	16.449.754.216
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.152.460.186)	(7.210.143.009)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.242.469.180)	(34.242.696.607)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(939.265.239)	(556.302.106)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	844.738.068	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.662.229.086	(5.113.429.620)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.147.359.872)	(524.433.399)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ đơn vị khác	23	(8.328.876.712)	0
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	450.014.013	19.369.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.026.222.571)	(505.063.792)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	104.309.000.000	87.581.625.081
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(107.420.010.000)	(151.899.209.476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.111.010.000)	(64.317.584.395)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	21.524.996.515	(69.936.077.807)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.821.105.592	83.434.398.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	34.346.102.107	13.498.320.329



Người lập biểu

Hà Huy Bình

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022



Kế toán trưởng

Hà Huy Bình



Tổng Giám đốc

Ứng Văn Phúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Thủy điện Sông Vàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/6/2022 với mã số doanh nghiệp là 0400476650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 81 Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 25 người (tại ngày 01/01/2022 là 25 người).

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các nhà máy điện; Xây dựng các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng điện, xây lắp điện;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến mỏ đá (Ngoài Thành phố Đà Nẵng).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí sạt lở trong quá trình thi công các năm trước đang chờ phân bổ. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là từ hoạt động bán điện. Việc hạch toán doanh thu căn cứ vào Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và điện năng giao nhận hàng tháng giữa Công ty và Tổng Công ty điện lực Miền Trung. Việc ghi nhận trên đều đảm bảo các điều kiện ghi nhận doanh thu trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Cụ thể:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mục b, Điều 2 Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/CN-UBND ngày 18/7/2006 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Nam cấp như sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm cho phần thu nhập do đầu tư này mang lại;
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo cho phần thu nhập do đầu tư này mang lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ	Đầu năm
01. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.505.034.774	1.006.821.034
Tiền gửi ngân hàng	9.841.067.333	11.814.284.558
Tiền đang chuyển	0	0
Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	0
Cộng	34.346.102.107	12.821.105.592
02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
a. Phải thu của khách hàng	6.080.581.247	9.567.459.240
Tổng công ty điện lực miền Trung (PC3)	6.080.581.247	9.567.459.240
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	0	0
Cộng	6.080.581.247	9.567.459.240
03. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
a. Trả trước cho người bán	14.418.383.495	8.645.158.495
Công ty TNHH Tập đoàn Vân Tiên Hồ Nam	7.855.625.000	2.278.200.000
Công ty cổ phần xây dựng ngầm Hà Nội	5.000.000.000	4.500.000.000
Các khách hàng khác	1.562.758.495	1.866.958.495
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	0	0
Cộng	14.418.383.495	8.645.158.495
04. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP điện lực Trung Sơn	8.328.876.712	0
Cộng	8.328.876.712	0

05. Khoản phải thu khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.431.192.124	25.352.000	11.239.727.254	25.352.000
- Tạm ứng	900.827.583	25.352.000	863.968.312	25.352.000
- Ký quỹ, ký cược	0	0	0	0
- Phải thu khác	2.530.364.541	0	10.375.758.942	0
<i>Tổng Công ty điện lực Miền trung</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.134.407.945</i>	<i>0</i>
<i>Phải thu lãi dự thu Lê Thái Hưng</i>	<i>249.390.253</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.762.000.000</i>	<i>0</i>	<i>1.762.000.000</i>	<i>0</i>
	<i>518.974.288</i>	<i>0</i>	<i>7.479.350.997</i>	<i>0</i>

06. Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Tạm ứng CNV	25.352.000	0	25.352.000	0

07. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	340.515.878.283	108.593.581.881	946.900.705	50.090.909	450.106.451.778
- Tăng trong kỳ	0	0	0	0	0
- Giảm trong kỳ	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	340.515.878.283	108.593.581.881	946.900.705	50.090.909	450.106.451.778
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	124.981.869.271	108.593.581.881	946.900.705	50.090.909	234.572.442.766
- Khấu hao trong kỳ	5.675.264.638	0	0	0	5.675.264.638
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	130.657.133.909	108.593.581.881	946.900.705	50.090.909	240.247.707.404
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	215.534.009.012	0	0	0	215.534.009.012
- Tại ngày cuối kỳ	209.858.744.374	0	0	0	209.858.744.374

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 109.590.573.495 đồng

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án An Điền 2 Mở Rộng

Cộng

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Dự án An Điền 2 Mở Rộng	7.765.265.215	7.187.083.397
Cộng	7.765.265.215	7.187.083.397

09. Phải trả người bán ngắn hạn

a. Phải trả cho người bán

Công ty CP đầu tư & PT hạ tầng

Tổng công ty lắp

máy Việt Nam

Công ty TNHH

ĐTTM & Xây

dựng Vĩnh Thắng

Công ty CP

Licogi 15

Các khách hàng

khác

Công ty CP Điện

Lục Trung Sơn

b. Phải trả cho người bán là bên liên quan

Cộng

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
a. Phải trả cho người bán	20.857.732.451	20.857.732.451	22.222.011.748	22.222.011.748
Công ty CP đầu tư & PT hạ tầng	2.314.082.000	2.314.082.000	2.314.082.000	2.314.082.000
Tổng công ty lắp máy Việt Nam	13.586.415.303	13.586.415.303	13.586.415.303	13.586.415.303
Công ty TNHH ĐTTM & Xây dựng Vĩnh Thắng	1.166.709.100	1.166.709.100	1.166.709.100	1.166.709.100
Công ty CP Licogi 15	1.028.546.505	1.028.546.505	1.028.546.505	1.028.546.505
Các khách hàng khác	2.761.979.543	2.761.979.543	4.126.258.840	4.126.258.840
Công ty CP Điện Lục Trung Sơn	115.419.212	115.419.212	0	0
b. Phải trả cho người bán là bên liên quan	0	0	0	0
Cộng	20.857.732.451	20.857.732.451	22.222.011.748	22.222.011.748

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Thuế tài nguyên

Thuế môn bài

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Thuế bảo vệ môi trường

Các loại thuế khác

Cộng

	<u>Số phải nộp đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số phải nộp cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng	960.695.435	2.944.328.139	3.308.189.357	596.834.217
Thuế tài nguyên	743.975.324	2.437.031.431	3.181.006.755	0
Thuế môn bài	0	4.000.000	4.000.000	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	939.265.239	1.245.732.687	939.265.239	1.245.732.687
Thuế thu nhập cá nhân	1.944.944	21.635.357	19.154.112	4.426.189
Thuế bảo vệ môi trường		513.038.500	513.038.500	0
Các loại thuế khác	19.482.847	5.047.654	13.559.167	10.971.334
Cộng	2.665.363.789	7.170.813.768	7.978.213.130	1.857.964.427

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí lãi vay phải trả

Chi phí phải trả khác

Cộng

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	903.391.177	708.445.032
Chi phí phải trả khác	849.885.400	0
Cộng	1.753.276.577	708.445.032

12. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn	2.240.005.690	2.299.332.969
Kinh phí công đoàn	20.127.831	18.742.731
Bảo hiểm xã hội	196.621	226.327
Bảo hiểm thất nghiệp	0	0
Phải trả, phải nộp khác: HD SXKD	2.219.681.238	2.280.363.911

13. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ			Trong kỳ			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
13.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	37.773.670.227	37.773.670.227	36.089.434.000	107.420.010.000	109.104.246.227	109.104.246.227	109.104.246.227	109.104.246.227
a. Vay ngắn hạn	37.773.670.227	37.773.670.227	36.089.434.000	107.420.010.000	109.104.246.227	109.104.246.227	109.104.246.227	109.104.246.227
Công ty CP Dầu tư và Phát triển điện lực An Nhân	3.209.567.414	3.209.567.414	18.780.000.000	102.329.000.000	86.758.567.414	86.758.567.414	86.758.567.414	86.758.567.414
Vay cá nhân - Trần Thu Hương	22.345.678.813	22.345.678.813	0	0	22.345.678.813	22.345.678.813	22.345.678.813	22.345.678.813
b. Nợ dài hạn đến hạn trả								
Ngân hàng OCB Nghệ An	12.218.424.000	12.218.424.000	17.309.434.000	5.091.010.000			0	0
13.2 Vay Dài hạn	68.219.566.000	68.219.566.000	85.529.000.000	17.309.434.000			0	0
Ngân hàng OCB Nghệ An	68.219.566.000	68.219.566.000	85.529.000.000	17.309.434.000			0	0

Khoản vay của Công ty cổ phần Dầu tư và Phát triển điện lực An Nhân lãi suất 7%/năm, hình thức vay tín chấp và khoản vay của cá nhân lãi suất 7%/năm, hình thức vay tín chấp.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An mục đích bù đắp tài chính: Thanh toán trả nợ vay Công ty CP Dầu tư và phát triển Điện lực An Nhân theo hợp đồng tín dụng số 0009/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 18/01/2022. Theo đó, hạn mức tín dụng là 85.529.000.000 đồng, thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất cho vay: 8.9%/năm, điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Trả gốc từng tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay bằng tài sản là:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, công trình phụ trợ và các tài sản khác thuộc nhà máy thủy điện An Diêm II công suất 15,6MW gắn liền trên thửa đất số 20,21 tờ bản đồ số 1,2,3 diện tích 1.326.794 m²
- Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện An Diêm II công suất 15,6MW.
- Cụm nhà máy thủy điện Bản Cốc xã Kim Châu, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. bao gồm Văn phòng làm việc điều hành Ban quản lý, Nhà đất máy phát điện và điều hành máy, nhà để vật tư, đập chắn nước và hệ thống thu nước. Máy móc thiết bị tại nhà máy thủy điện Bản Cốc tại xã Kim Châu, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong. (Đông đảm bảo với nghĩa vụ tài chính của Công ty CP thủy điện Quế Phong tại OCB).

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu năm trước	148.206.625.000	(46.924.771.507)	101.281.853.493
Tăng khác	0	0	0
Giảm trong năm trước	0	25.896.884.438	25.896.884.438
Lãi trong năm trước	0	25.896.884.438	25.896.884.438
Số dư cuối năm trước	148.206.625.000	(21.027.887.069)	127.178.737.931
Số dư đầu năm nay	148.206.625.000	(21.027.887.069)	127.178.737.931
Lãi trong kỳ này	0	23.668.921.052	23.668.921.052
Giảm khác	0	0	0
Trích quỹ đầu tư phát triển	0	0	0
Số dư cuối kỳ này	148.206.625.000	2.641.033.983	150.847.658.983

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty cổ phần điện lực Trung Sơn	127.472.000.000	127.472.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.734.625.000	20.734.625.000
Cộng	148.206.625.000	148.206.625.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	148.206.625.000	148.206.625.000
Vốn góp tăng trong năm	0	0
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	148.206.625.000	148.206.625.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay

d. Phân phối lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Ghi chú</u>
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	(21.027.887.069)	(1)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	23.668.921.052	(2)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận		(3)
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận		(4)
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	2.641.033.983	(5) = (1) + ... + (4)
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	0	(6) = (7) + (8) + (9) + (10)
- Chia cổ tức năm nay	0	(7)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	0	(8)
- Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	0	(9)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	(10)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	2.641.033.983	(10) = (5) + (6)

15. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Tài sản thuê ngoài		
b. Tài sản nhận giữ hộ		
c. Ngoại tệ các loại (USD)	133,54	133,54
d. Vàng tiền tệ		
đ. Nợ khó đòi đã xử lý		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán điện	38.486.781.204	23.539.796.928
Cộng	38.486.781.204	23.539.796.928
02. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán điện	8.361.184.402	7.599.191.128
Cộng	8.361.184.402	7.599.191.128
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	450.014.013	19.369.607
Lãi chênh lệch tỷ giá	0	0
Cộng	450.014.013	19.369.607
04. Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	4.466.977.883	5.016.008.562
Chi phí tài chính khác	0	0
Cộng	4.466.977.883	5.016.008.562
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	509.869.121	645.476.300
Thuế, phí và lệ phí	187.749.077	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.379.588	0
Chi phí bằng tiền khác	174.933.753	463.515.862
Cộng	1.188.931.539	1.108.992.162
06. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí bồi thường, bị phạt và CP khác	5.047.654	60.920.390
Cộng	5.047.654	60.920.390

07. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Kỳ này	Ghi chú
Lợi nhuận kế toán của hoạt động kinh doanh	24.914.653.739	(1)
Các khoản điều chỉnh tăng khi tính thuế	0	(2)
Các khoản điều chỉnh giảm khi tính thuế	0	(3)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	24.914.653.739	(4) = (1)+(2)+(3)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10,00%	(5)
Tổng Thuế TNDN phải nộp	2.491.465.374	(a) = (4)x(5)
Thuế TNDN miễn giảm theo ưu đãi	1.245.732.687	50%
Thuế TNDN sau miễn giảm theo ưu đãi	1.245.732.687	(b) = (a) x 50%
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	939.265.239	(c)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	939.265.239	(d)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.245.732.687	(e) = (b)+(c)-(d)
08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.668.921.052	9.285.351.578
Ảnh hưởng suy giảm		
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	0	0
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	23.668.921.052	9.285.351.578
Bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi trên cổ phiếu	14.820.663	14.820.663
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	0	0
Bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi trên cổ phiếu	14.820.663	14.820.663
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.597	627
- Lãi suy giảm	1.597	627
09. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	509.869.121	191.960.544
Chi phí nhân công	1.618.980.530	1.735.528.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.675.264.638	5.675.264.638
Thuế, phí và lệ phí	187.749.077	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.193.648.971	758.777.587
Chi phí khác bằng tiền	249.184.392	346.652.251
Cộng	9.434.696.729	8.708.183.290

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
01. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	<u>104.309.000.000</u>	<u>87.581.625.081</u>
Cộng	<u>104.309.000.000</u>	<u>87.581.625.081</u>
02. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>107.420.010.000</u>	<u>151.899.209.476</u>
Cộng	<u>107.420.010.000</u>	<u>151.899.209.476</u>

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

03. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

04. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

05. Giao dịch với các bên liên quan

Trong cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và tại ngày 30/06/2022, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

<u>Tên gọi</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty cổ phần điện lực Trung Sơn	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện lực An Nhân	Cùng thành viên ban lãnh đạo chủ chốt
Ông Lê Thái Hưng	Chủ tịch HĐQT
Công ty CP thủy điện Bản Cốc	Công ty liên quan

b. Nghiệp vụ với các bên liên quan trong kỳ

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện lực An Nhân	Nhận vốn vay	18.780.000.000
	Lãi vay vốn	471.832.518
	Trả nợ vay	16.800.000.000
Công ty CP điện lực Trung Sơn	Dịch vụ kỹ thuật	115.419.212
Công ty CP thủy điện Bản Cốc	Tài sản đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng OCB	

c. Vào ngày 30/06/2022, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Nợ phải thu	Nội dung	Số tiền
Phải thu Ông Lê Thái Hưng	Phải thu khác	1.762.000.000
Công ty CP điện lực Trung Sơn	Cho vay vốn	8.328.876.712
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện lực An Nhân	Vay vốn	88.738.567.414

Nợ phải trả	Nội dung	Số tiền
Công ty CP điện lực Trung Sơn	Dịch vụ kỹ thuật	115.419.212

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và Tên	Chức danh	Tiền Lương	Thù lao	Tổng cộng
Ông Lê Thái Hưng	Chủ tịch HĐQT		36.000.000	36.000.000
Ông Hồ Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT		16.000.000	16.000.000
Ông Lưu Quang Việt	Thành viên HĐQT		8.000.000	8.000.000
Ông Ứng Văn Phúc	Thành viên HĐQT, TGD	149.900.853	24.000.000	173.900.853
Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng ban kiểm soát		12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Kim Huyền	Thành viên ban kiểm soát		8.000.000	8.000.000
Bà Nguyễn Mai Lan	Thành viên ban kiểm soát		4.000.000	4.000.000
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Thành viên ban kiểm soát		12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Văn Long	Thư ký HĐQT, Phó TGD	124.820.187	9.000.000	133.820.187
Ông Hà Huy Bình	Kế toán trưởng	115.304.993		115.304.993
Cộng		390.026.033	129.000.000	519.026.033

06. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 chuyển sang ngày 01/01/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

07. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty CP Thủy điện Sông Vàng được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 12 tháng 8 năm 2022.



Người lập biểu

Hà Huy Bình

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022



Kế toán trưởng

Hà Huy Bình



Tổng Giám đốc

Ứng Văn Phúc

